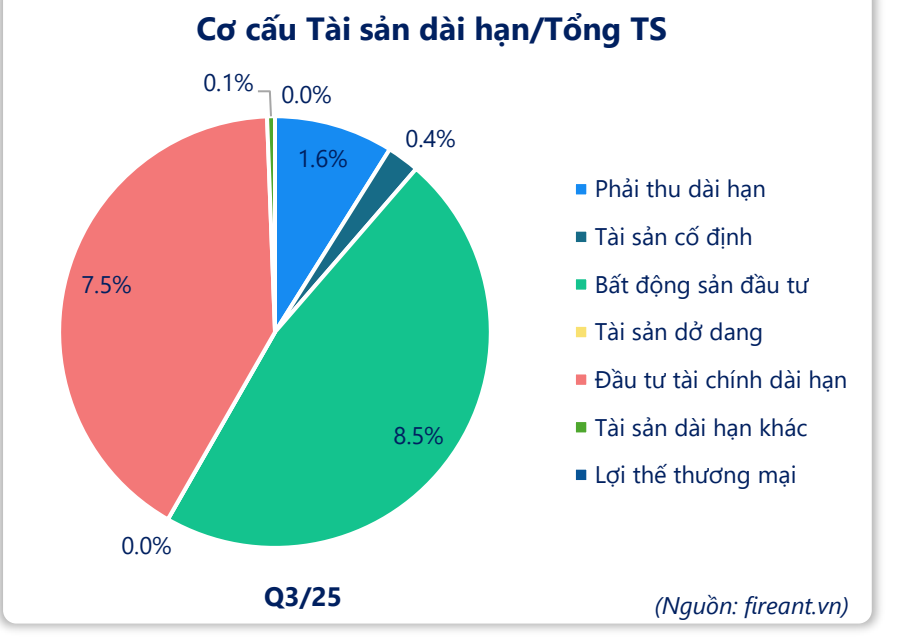
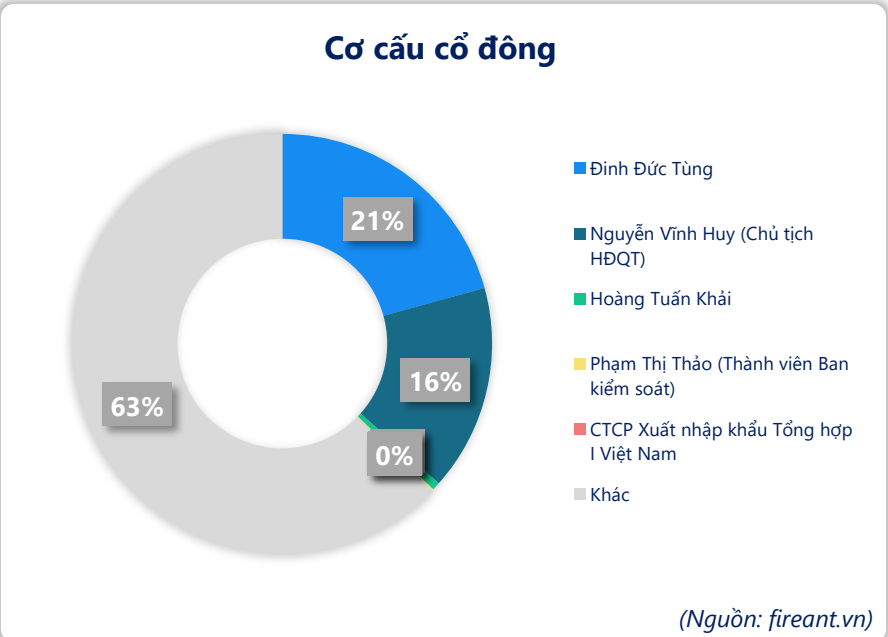
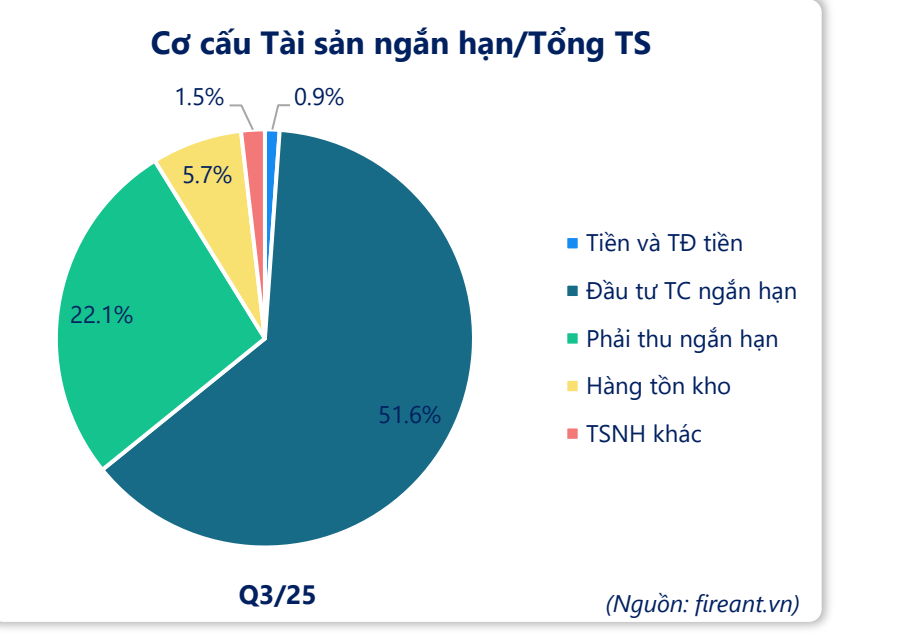
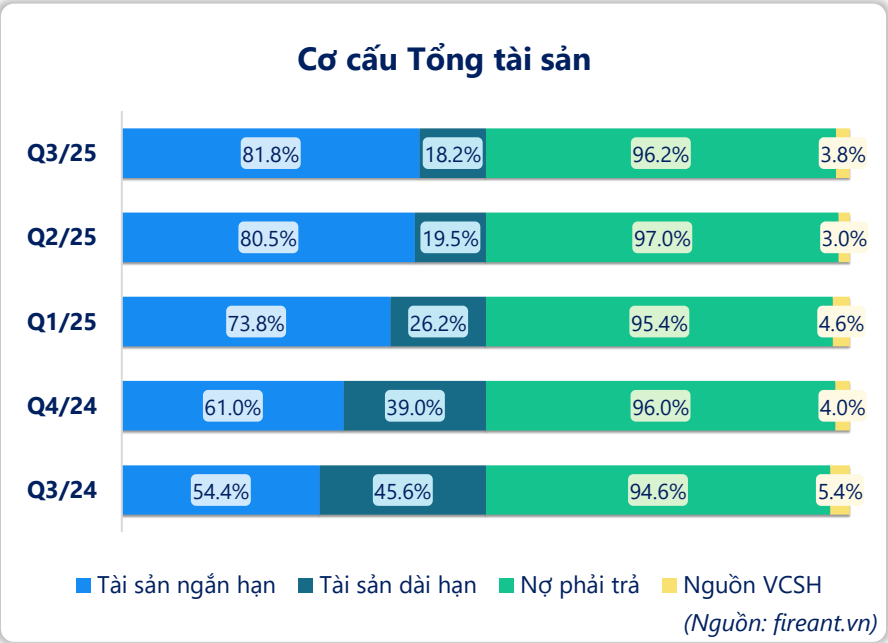
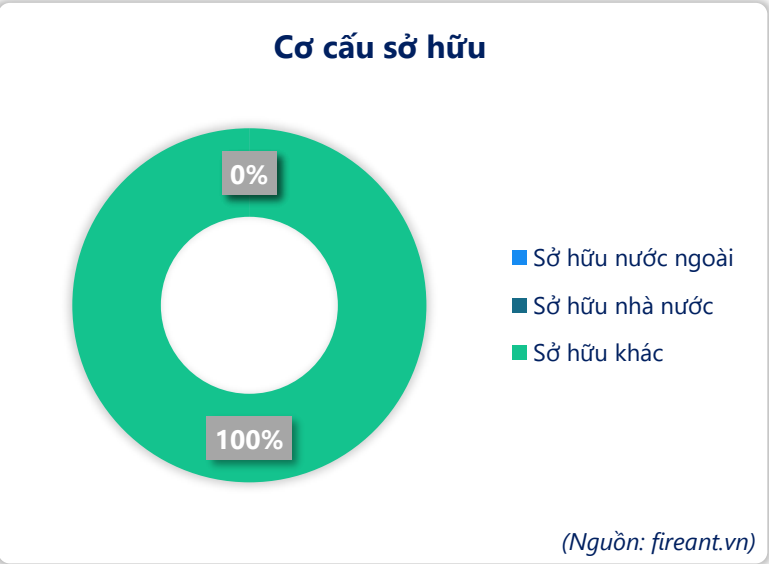
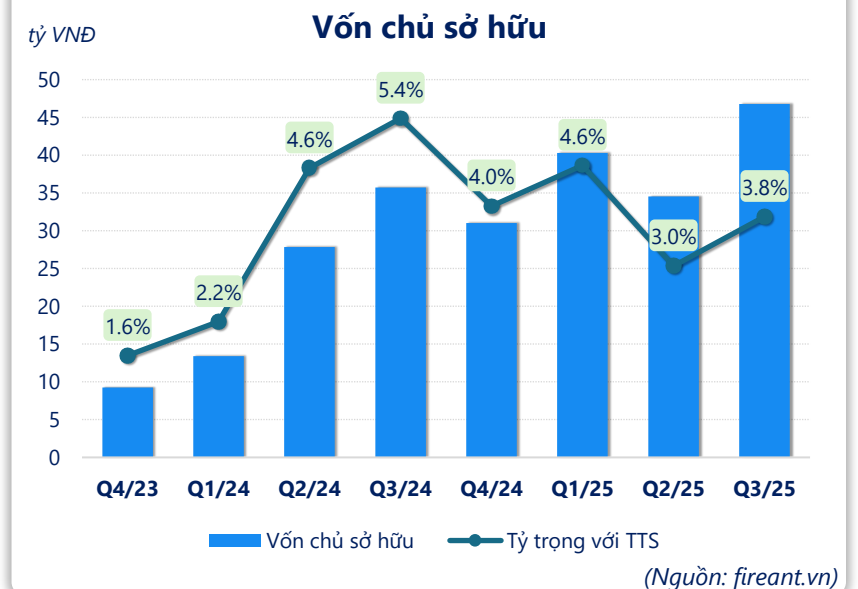
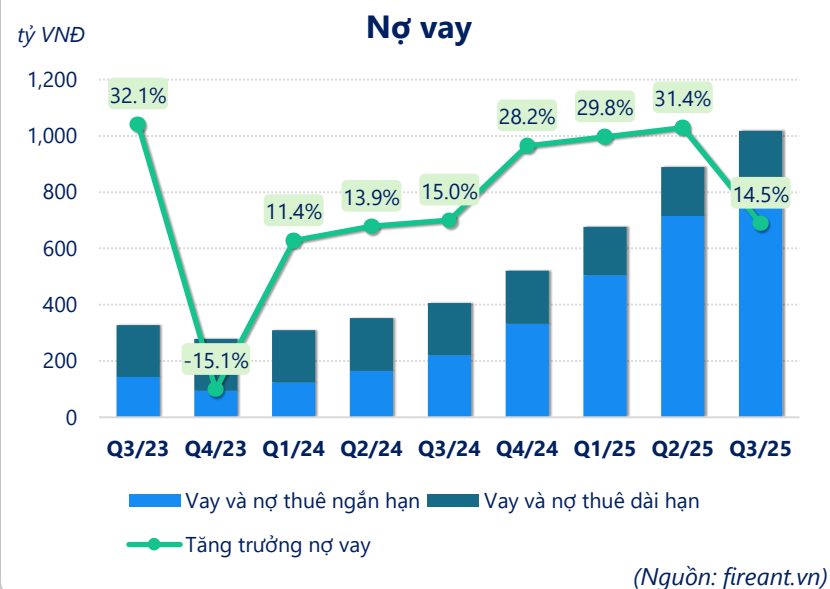
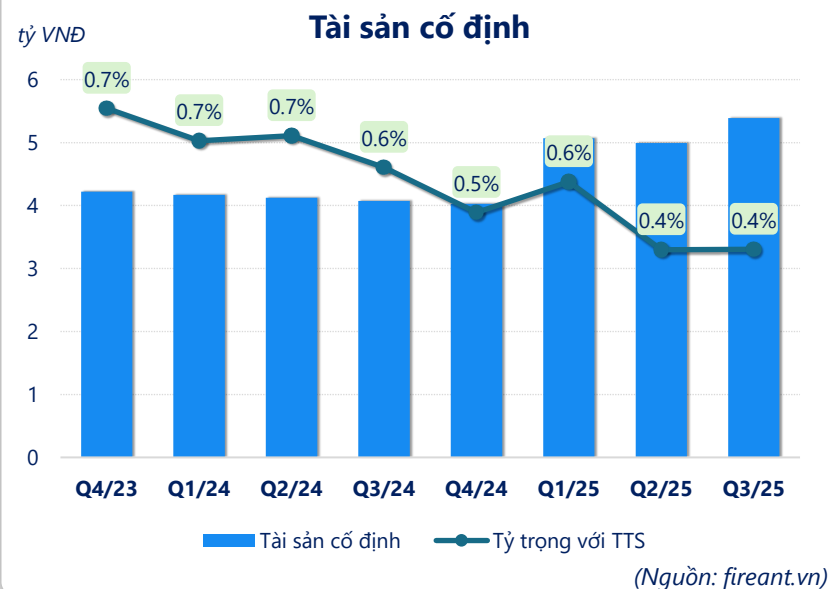
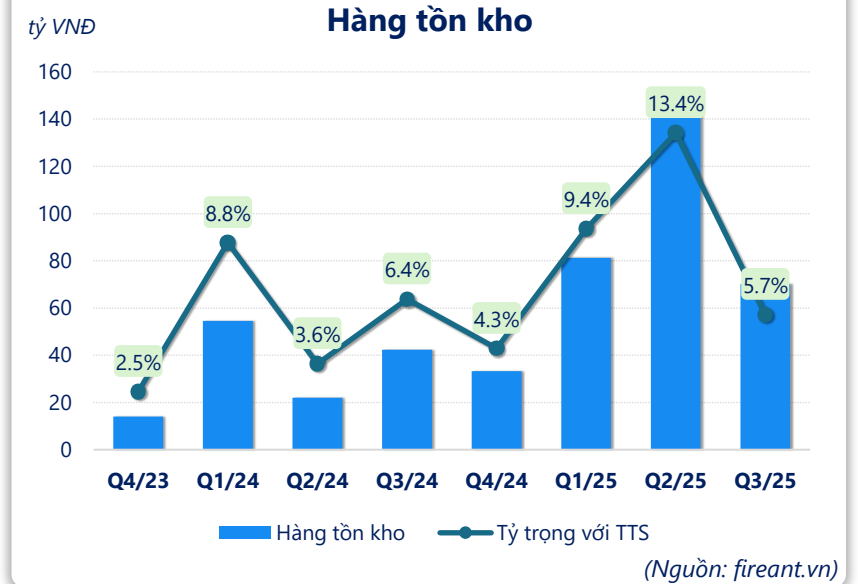
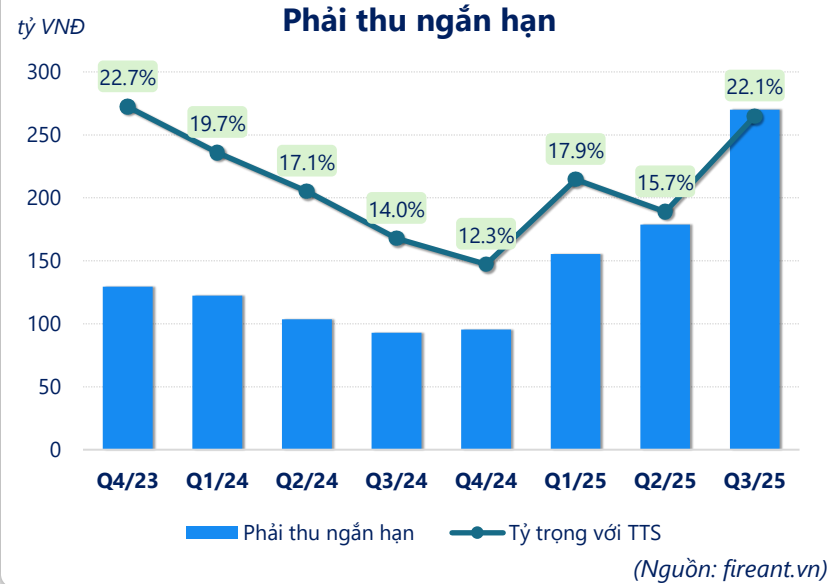
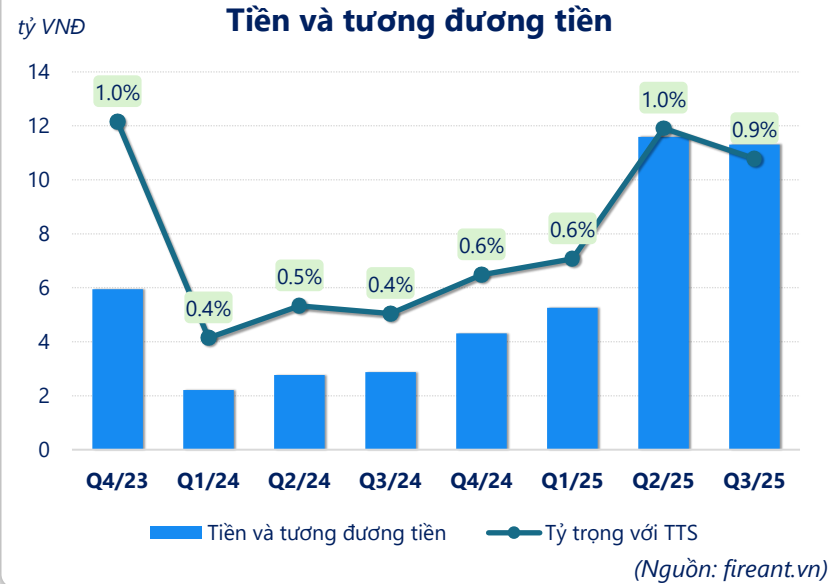
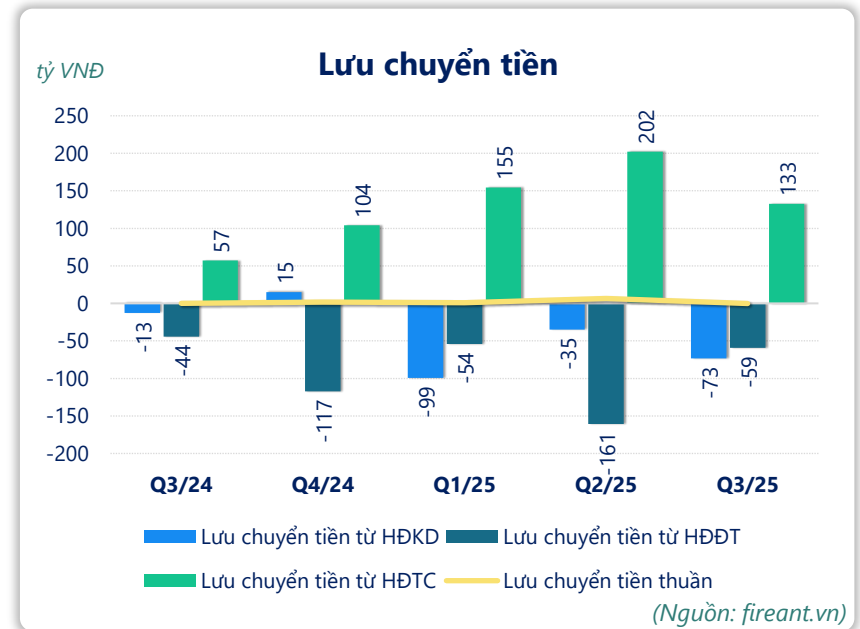
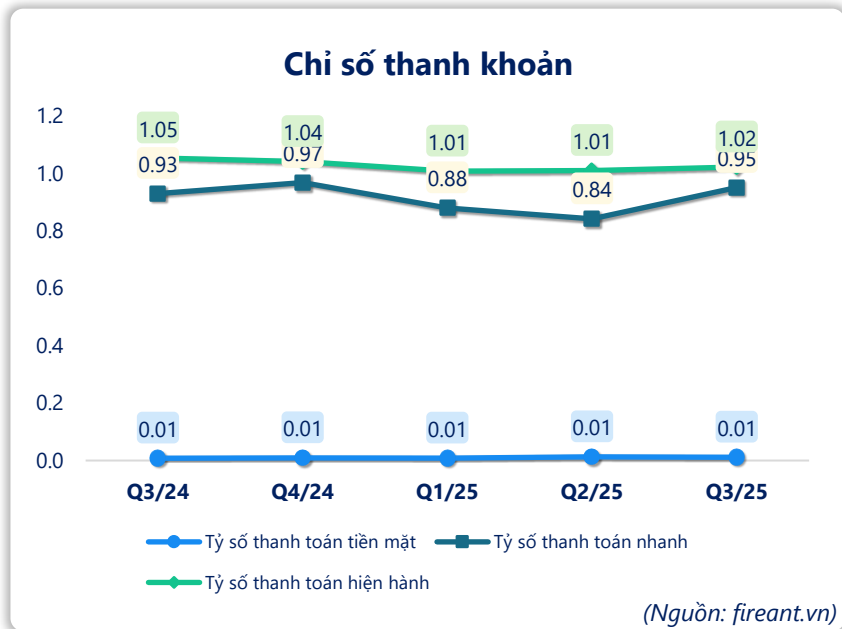
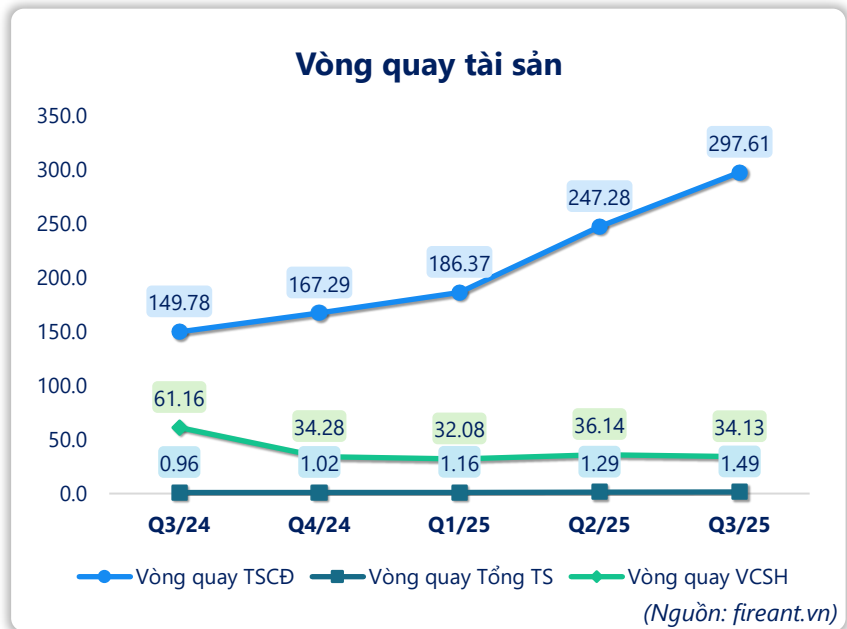
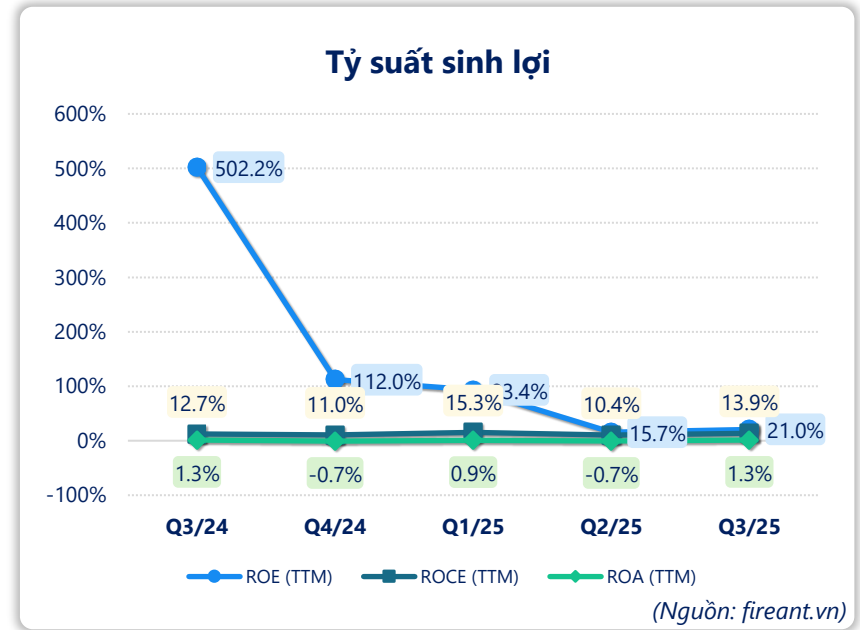
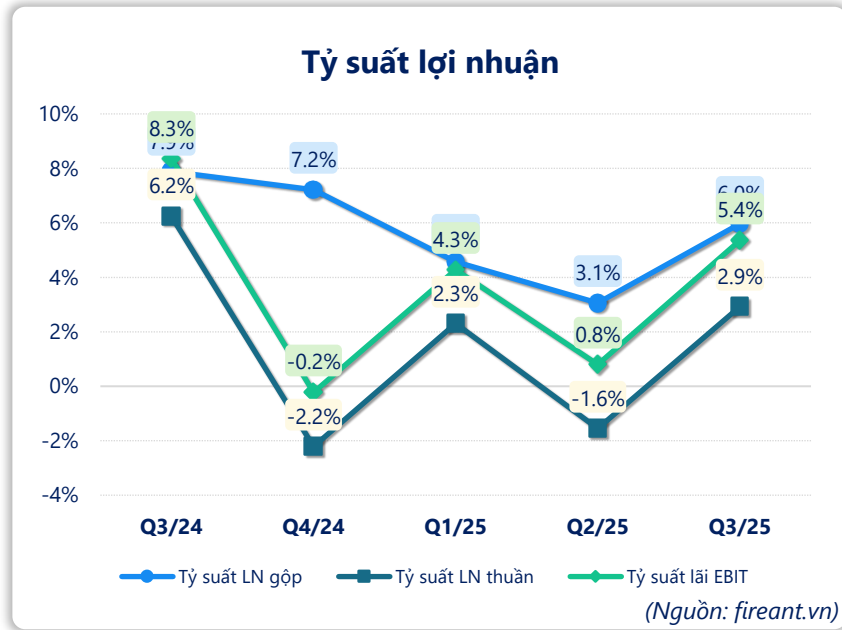
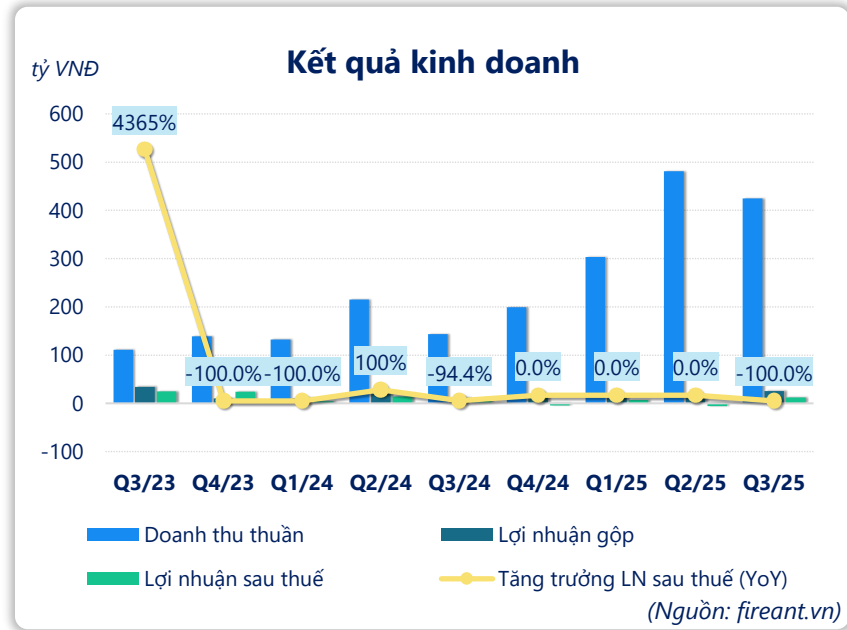


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,800
SL cổ phiếu LH		13,539,226
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,465
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		41
P/E		4.7
EPS		639

	YTD	1T	3T	6T
TH1	-6.3%	-3.2%	-21.1%	-16.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,223	779	57.0%
Tài sản ngắn hạn	1,001	429	133%
Tiền và tương đương tiền	11.3	4.13	174%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	631	291	117%
Phải thu ngắn hạn	270	95.8	182%
Hàng tồn kho	70.1	33.3	110%
Tài sản ngắn hạn khác	18.3	4.84	278%
Tài sản dài hạn	222	351	-36.6%
Phải thu dài hạn	19.8	99.8	-80.1%
Tài sản cố định	5.39	4.03	33.9%
Bất động sản đầu tư	104	107	-2.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	91.4	139	-34.1%
Tài sản dài hạn khác	1.31	1.33	-1.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,176	746	57.7%
Nợ ngắn hạn	980	475	106%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	843	351	140%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.3	17.0	31.2%
Nợ dài hạn	197	271	-27.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	175	170	2.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	46.8	33.4	40.0%
Vốn chủ sở hữu	46.8	33.4	40.0%
Vốn điều lệ	135	135	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	143	199	303	481	425
Giá vốn hàng bán	132	185	289	466	400
Lợi nhuận gộp	11.3	14.4	13.9	14.7	25.3
Doanh thu HĐTC	10.5	8.97	7.11	25.5	16.8
Chi phí TC	4.88	15.1	9.10	25.3	15.4
Chi phí lãi vay	3.13	4.27	6.11	9.59	10.5
LN trong công ty LKLD	2.35	0.68	2.30	-6.04	1.92
Chi phí bán hàng	9.04	12.0	6.54	13.6	14.5
Chi phí QLDN	1.31	1.38	0.67	2.70	1.76
LN thuần từ HĐKD	8.93	-4.41	6.98	-7.48	12.4
Lợi nhuận khác	-0.11	-0.31	-0.12	1.72	-0.17
LN trước thuế	8.82	-4.72	6.86	-5.76	12.3
Lợi nhuận sau thuế	8.51	-4.72	6.86	-5.76	12.3
LNST của CĐ cty mẹ	8.51	-4.72	6.86	-5.76	12.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.0	14.8	-99.4	-34.8	-73.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-44.1	-117	-54.2	-161	-59.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	57.2	104	155	202	133
Tiền đầu kỳ	2.77	2.87	4.13	5.26	11.6
Lưu chuyển tiền thuần	0.11	1.73	0.91	6.55	-0.18
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.29	0.23	-0.22	-0.11
Tiền cuối kỳ	2.87	4.31	5.26	11.6	11.3

(Nguồn: fireant.vn)